

Số: 336/2024/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm**

ông **Lê Tự**

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 20/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217; điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng Án lệ số 71/2024/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 20,21,22/2/2024 có hiệu lực thi hành vào ngày 15/6/2024, đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*” giữa:

- **Nguyên đơn:** ông **Trần L**, sinh năm 1937; địa chỉ: **F Đ, phường T (nay là phường Đ), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (đã chết).**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần L:

- Ông **Trần Xuân L1**, sinh năm 1964; địa chỉ: **F Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Bà **Trần Thị Thanh N**, sinh năm 1965; địa chỉ: **H W Carol A AZ85345 USA.**

- Bà **Trần Thị Hạnh N1**, sinh năm 1966; địa chỉ: **G E, S Australia.**

- Bà **Trần Thị Minh Đ**, sinh năm 1969; địa chỉ: **3 L, phường E, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bà **Trần Thị Hồng H**, sinh năm 1970; địa chỉ: **F Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1971; địa chỉ: C North Bourne CT O Australia.

- Ông Trần Xuân N2, sinh năm 1972; địa chỉ: F Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Trần Xuân H1, sinh năm 1974; địa chỉ: B Chung cư T, B, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Ánh T1, sinh năm 1976; địa chỉ: A North Thompson Peak P S, A.

Người đại diện theo uỷ quyền của các ông bà N, Đ, H, T, N2, H1, T1: ông Trần Xuân L1, sinh năm 1964; địa chỉ: F Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn ông Trần Xuân L1: ông Nguyễn Minh T2, luật sư của Văn phòng luật sư Trần Lục M thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng A, D V, phường C, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** ông Trần Hiếu Đ1 và ông Trần Hiếu C (đã chết).

Cùng địa chỉ: thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Hiếu C:

- Bà Lê Thị Tuyết V, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Trần Hiếu T3, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Trần Hiếu T4, sinh năm 1980; địa chỉ: 8, tổ B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trần Thị Hoài P, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn D, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: B T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1953; địa chỉ: thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Lê Thị Tuyết V, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông **Trần Hiếu P1**, sinh năm 1974 và bà **Trần Thị Minh T5**, sinh năm 1974; địa chỉ: **thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Ông **Trần Hiếu Đ2**, sinh năm 1976 và bà **Lô Thị H2**, sinh năm 1983; địa chỉ: **thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Ông **Trần Quang T6**, sinh năm 1978 và bà **Trương Thị Hồng H3**, sinh năm 1981; địa chỉ: **thôn M, xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Bà **Tôn Nữ Thị H4**, sinh năm 1947; địa chỉ: **D Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Bà **Trần Thị Thúy H5**, sinh năm 1969; địa chỉ: **D Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Ông **Trần Xuân T7**, sinh năm 1974; địa chỉ: **D Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Bà **Trần Thị Bích H6**, sinh năm 1966; địa chỉ: **E A, M, O, Canada**.

- Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1942; địa chỉ: **F Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Ông **Trần P2**, sinh năm 1945; địa chỉ: **C (lầu C) Chung cư T, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông P2: ông **Trần Xuân L1**, sinh năm 1964; địa chỉ: **F Đ, Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.*

Tại Đơn kháng cáo ngày 22/8/2024, ông **Trần Xuân L1**, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng thời là người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông **Trần L** kháng cáo quyết định sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng huỷ toàn bộ quyết định sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Ngày 06/10/2016, nguyên đơn ông **Trần L** (chết năm 2022) khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông **Trần Hiếu Đ1** và ông **Trần Hiếu C** tháo dỡ toàn bộ nhà đất tại hai thửa đất số 145, 245 tờ bản đồ số 03 tại **thôn M, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** để trả lại đất cho Ông, đồng thời đề nghị hủy Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của **Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** về việc giải quyết đơn đòi lại đất của ông **Trần L**. Vào ngày 05/10/2020, ông **L** đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về đề nghị hủy Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của **Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Nguồn gốc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 1568.7m² (trước đây là thửa 245, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại **thôn M, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**)

và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 30, diện tích 1.377,5m² (trước đây là thửa đất số 145, tờ bản đồ 03, tọa lạc tại **thôn M, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**) tọa lạc tại **thôn M, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế** trước đây do cụ bà **Trần Thị T8** (mẹ ông **Trần L**) sử dụng, đã đồng thuận giao cho ông **Trần D1** quản lý vào năm 1973, ông **D1** đã sử dụng để trồng hoa màu cho đến năm 1975. Sau năm 1975, ông **Trần D1** vẫn tiếp tục sử dụng và được sự chấp thuận của cụ **T8**, ông **D1** cho con trai là ông **Trần Hiếu Đ1** làm nhà ở vào năm 1977. Năm 1983 thực hiện Quyết định 201/QĐ-CP về việc kê khai, đăng ký quản lý ruộng đất trong cả nước, hộ ông **D1**, ông **Đ1** kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299-TTg, cụ thể:

- Ông **Trần D1** kê khai:

+ Sổ mục kê: số thửa 245, tờ bản đồ số 03, diện tích 1620m²;

+ Sổ đăng ký đất đai: số trang 37, số TT176, số thửa 245, diện tích 1620m², trong đó có 760m² do ông **Trần Hiếu T9** (bố ông **Trần D1**) để lại;

- Ông **Trần Hiếu Đ1** kê khai:

+ Sổ mục kê: số thửa 145, tờ bản đồ 03, diện tích 1200m²;

+ Sổ đăng ký: số trang 41, số TT 205, số thửa 245, diện tích 1200m².

Diện tích kê khai của ông **Trần D1**, ông **Trần Hiếu Đ1** đã được thông qua Hội đồng quản lý đất đai **xã P** xét duyệt ngày 28 tháng 8 năm 1984.

Năm 1996, cụ **Trần Thị T8**, là mẹ của ông **Trần L** (cụ **T8** chết năm 1996) tranh chấp quyền sử dụng các thửa đất nêu trên với ông **Trần D1**, ông **Trần Hiếu Đ1**. Tại thời điểm tranh chấp, các thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993, thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai thuộc Ủy ban nhân dân huyện **P**. Trước khi chết, ngày 14/8/1996, cụ **Trần Thị T8** lập Tờ di chúc có xác nhận của chính quyền địa phương có nội dung cụ **T8** giao toàn quyền sở hữu sở vườn tọa lạc tại **HTX P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** cho con trai là ông **Trần L**. Năm 2003 ông **Trần L** có đơn khiếu nại đến UBND huyện **P**, tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung: Đòi lại thửa đất số 145 và số 245, tờ bản đồ số 03 do ông **Trần D1** và ông **Trần Hiếu Đ1** đang sử dụng.

Ngày 04/7/2003, Ủy ban nhân dân huyện **P** ban hành Quyết định số 262/QĐ-UBND về việc “Giải quyết đơn khiếu nại đòi lại đất của ông **Trần L**”, phần quyết định có nội dung:

“... ”

1. Không thừa nhận việc ông **Trần L**, trú tại số E đường Đ, thành phố H khiếu nại đòi lại đất thuộc thửa đất 145 và 245, tờ bản đồ số 03, diện tích 2860m² do ông **Trần D1** và ông **Trần Hiếu Đ1** đăng ký sử dụng.

2. Ông **Trần D1** tiếp tục sử dụng thửa đất 245, diện tích 1620m². Ông **Trần Hiếu Đ1** tiếp tục sử dụng thửa đất 415, diện tích 1200m², thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn M, xã P, huyện P...”.

Không đồng ý với nội dung giải quyết tại Quyết định 262/QĐ-UBND nêu trên, ông **L** tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện P. Ngày 11/8/2003, UBND huyện P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 537/QĐ-UB đối với ông **L**, trong đó có nội dung: “...1. Không thừa nhận việc ông **Trần L**, khiếu nại Quyết định số 262/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của UBND huyện, về việc giải quyết đơn của ông **Trần L** khiếu nại đòi lại đất hiện do ông **Trần D1** và ông **Trần Hiếu Đ1** đang sử dụng tại thôn M, xã P, huyện P...”.

Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định 537/QĐ-UBND, ông **L** khiếu nại đến UBND tỉnh T theo đơn khiếu nại ngày 13/10/2003. UBND tỉnh Thừa Thiên H7 nhận đơn vào ngày 30/10/2003 và giao cho Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi làm việc với ông **Trần L**, Thanh tra tỉnh Thừa Thiên H7 đã trả lời cho ông **L** biết đơn khiếu nại đã hết thời hạn khiếu nại theo khoản 4 Điều 32 Luật khiếu nại, tố cáo.

Như vậy, diện tích quyền sử dụng đất mà ông **Trần L** tranh chấp với ông **Trần Hiếu C** và ông **Trần Hiếu Đ1** đã được giải quyết tại Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 537/QĐ-UB ngày 11/8/2003 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay thành phố H), tỉnh Thừa Thừa Thiên Huế, các quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217; điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và áp dụng Án lệ số 71/2024/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 20,21,22/2/2024, có hiệu lực thi hành ngày 15/6/2024 để đình chỉ giải quyết vụ án với lý do sự việc đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là có căn cứ, đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng họp xét không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Xuân L1**; giữ nguyên Quyết định sơ thẩm.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng họp xét không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **Trần Xuân L1** và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 20/2024/QĐST-DS ngày 20/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông **Trần Xuân L1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 20/2024/QĐST-DS ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Ông **Trần Xuân L1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đã ký

Trần Đức Kiên